TANDHUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **112**/2020/HS-ST
Ngày 31/12/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Chu Hồng Thái.
2. Bà Nguyễn Thị Xuyến.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm T Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thanh Tuấn, Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2020, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đã thụ lý số: 101/2020/TLST - HS ngày 01/12/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/QĐXX - ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: TỐNG VĂN D, Sinh ngày: 24/10/1984;

Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở: xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Tống Đình T (đã chết); con bà: Đào Thị N, sinh năm 1958. Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1984. Có 02 con: con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/6/2020 đến ngày 25/6/2020. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Họ và tên: NGUYỄN THỊ S (tên gọi khác: Nguyễn Thị X), Sinh ngày: 03/6/1965.

Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở: xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Nguyễn Văn Đ (đã chết); con bà: Hoàng Thị H. Gia đình có 06 anh em, bị cáo là con thứ 05. Chồng: Nguyễn Văn L (đã chết). Có 02 con: lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1995

Tiền án: 01

Tại bản án số 13 ngày 04/4/ 2012 bị TAND huyện huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", chấp hành xong hình phạt cải tạo không giam giữ ngày 04/6/2013, chấp hành xong

hình phạt bổ sung 7.000.000 đồng và 200.000 đồng án phí ngày 02/10/2020 (bản án chưa được xóa án tích).

Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/6/2020 đến ngày 25/6/2019. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa.*

3. Họ và tên: TRẦN VĂN T, Sinh ngày 08/11/1952;

Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở: xóm A, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 4/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Trần Văn L (đã chết); con bà: Nguyễn Thị V (đã chết). Gia đình có 08 chị em, bị cáo là con thứ 04. Vợ: Đào Thị Y, sinh năm 1954. Có 04 con: lớn sinh năm 1979, nhỏ sinh năm 1989

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Bản án số 09 ngày 13/7/ 1977 bị TAND huyện Đại Từ, tỉnh Bắc Thái (nay là tỉnh Thái Nguyên), xử phạt 21 tháng tù về tội trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa và lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân (đã xóa án tích);

Bản án số 01 ngày 10/01/ 2003 bị TAND huyện Đại Từ, xử phạt 15 tháng tù về tội đánh bạc, phạt bổ sung 2.000.000 đồng và 50.000 đồng án phí. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/4/2004, chấp hành xong 50.000 đồng án phí, được miễn hình phạt bổ sung 2.000.000 đồng ngày 22/3/2018 (đã xóa án tích).

Bản án số 40 ngày 27/9/2005 bị TAND huyện Đại Từ xử phạt 06 tháng tù về tội đánh bạc, phạt bổ sung 2.000.000 đồng, án phí 50.000 đồng. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/4/2006, về án phí và hình phạt bổ sung kết quả xác minh tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ không thấy hồ sơ, bị cáo khai nhận đã chấp hành xong năm 2006 (đã xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/6/2020 đến ngày 25/6/2020. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa.*

4. Họ và tên: NGUYỄN VĂN C, Sinh ngày: 14/7/1987;

Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở: xóm A, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: làm ruộng. Con ông: Nguyễn Trường X (Nguyễn Văn X), sinh năm 1949; con bà: Vũ Thị H, sinh năm 1949. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Mạc Thị H, sinh năm 1989. Có 02 con: lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Bản án số 22 ngày 20/7/ 2007 bị TAND huyện Đại Từ, xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong án phí năm 2007 (đã được xóa án tích).

Bản án số 13 ngày 04/3/ 2014 bị TAND huyện Đồng Hỷ xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 30 tháng về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong thời gian thử thách ngày 04/9/2016, chấp hành xong án phí năm 2014 (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/6/2020 đến ngày 25/6/2020. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa.*

5. Họ và tên: TRẦN THỊ N, Sinh ngày 16/7/1983;

Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở: xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: thiên chúa; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con ông: Trần Văn B, sinh năm1962; con bà: Phạm Thị L, sinh năm 1965. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất. Chồng: Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Có 02 con: lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số 13 ngày 04/4/2012 TAND huyện Định Hóa xử phạt 7.000.000 đồng về tội đánh bạc, 200.000 đồng án phí. Bị cáo đã thi hành được một phần tiền phạt và án phí, còn lại 4.900.000 đồng được Tòa án nhân dân huyện Đại Từ miễn ngày 28/9/2018 (đã được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/6/2020 đến ngày 25/6/2020. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa.*

6. Họ và tên: NGUYỄN VĂN H, Sinh ngày 18/12/1982;

Nơi ĐKHKTT + Chỗ ở: xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: làm ruộng. Con ông: Nguyễn Văn L (đã chết); con bà: Trần Thị G (đã chết). Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 07. Vợ: Bùi Thị Đ, sinh năm 1983. Có 02 con: con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2012.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2020 đến ngày 25/6/2020. Hiện đang tại ngoại tại địa phương. *Có mặt tại phiên tòa.*

**** Người Làm chứng + chứng kiến***:

1. Anh Nguyễn Phú H1, sinh năm 1988. Trú tại: xóm Ao Trũng, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. (*Vắng mặt*).

1. Bà Lại Thị C1, sinh năm 1949. Trú tại: xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 17/6/2020 Tổ công tác công an huyện Đại Từ phối hợp với Công an xã Y, huyện Đại Từ, tiến hành tuần tra kiểm soát tại khu vực xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, đã phát hiện tại khu vực đường ra cánh đồng (thuộc xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên) có một nhóm đối tượng đang tham gia chơi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền. Tổ công tác tiến hành bắt giữ được các đối tượng gồm: Trần Văn T, Trần Thị N, Nguyễn Thị Xim và Nguyễn Phú H1, sinh năm: 1988, trú tại: xóm Ao Trũng, xã Y, huyện Đại Từ. Trong khi bắt giữ một số đối tượng đã chạy thoát.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu tại chiếu bạc 5.400.000 đồng *(Năm triệu bốn trăm nghìn đồng)*; 01 bộ bát đĩa bằng sứ màu trắng, 04 quân vị, 01 bao tải dứa màu vàng. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa các đối tượng cùng vật chứng về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên giải quyết theo quy định pháp luật.

Những đối tượng đã bỏ chạy sau đó đến Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ đầu thú gồm: Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn C và Tống Văn D.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn C, Tống Văn D, Trần Văn T, Trần Thị N, Nguyễn Thị Xim, Nguyễn Văn H khai nhận như sau: Chiều ngày 17/6/2020 C, H, D, T rủ nhau đi ra khu vực đường ra cánh đồng xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ để tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì D, T, C, H ra đến nơi, D thấy tại vị trí đó có sẵn bộ bát đĩa bằng sứ, 04 quân bạc (quân vị) một mặt đen, một mặt trắng và 01 bao tải dứa màu vàng (theo các đối tượng khai vị trí này thường xuyên có nhóm đối tượng khác tham gia đánh bạc để lại), D lấy làm công cụ để đánh bạc và thống nhất đánh chẵn lẻ, quy ước mỗi ván người chơi đặt cửa ít nhất 50.000 đồng, D là người xóc cái.

Cách thức chơi là người xóc cái cho 04 quân bạc vào đĩa rồi úp bát lại sau đó người xóc cái cầm cả đĩa và bát lắc đi lắc lại nhiều lần 04 quân bạc khi lắc xong người xóc cái để xuống chiếu bạc và quy ước bên tay trái người xóc cái là bên cửa lẻ, bên tay phải là cửa chẵn, người chơi thích bên chẵn hay bên lẻ thì đặt tiền xuống chiếu bạc tương ứng với bên cửa chẵn hoặc bên cửa lẻ, đặt thấp nhất là 50.000 đồng. Sau khi người chơi đã đặt tiền xong thì người xóc cái mở chiếc bát ra nếu 04 quân bạc trong đĩa là 04 quân mặt đen, 04 quân mặt trắng hoặc 02 quân mặt đen, 02 quân mặt trắng thì người đặt tiền bên cửa chẵn thắng, D sẽ lấy tiền bên cửa lẻ trả cho bên cửa chẵn nếu không đủ thì D phải bỏ tiền ra để trả cho người thắng, nếu còn thừa tiền thì D sẽ thu về và ngược lại nếu 04 quân bạc trong đĩa là 01 quân mặt đen 03 quân mặt trắng hoặc 03 quân mặt đen 01 quân mặt trắng thì người đặt tiền bên cửa lẻ sẽ thắng và D sẽ thanh toán cho những người chơi như cách thức nêu trên.

Ban đầu có D, T, C, H tham gia chơi, khi các đối tượng đang tham gia chơi đánh bạc thì anh H1 đến xem nH1 không tham gia chơi đánh bạc. Sau đó có Xim rồi đến N đến cùng vào tham gia chơi đánh bạc.

Khi đánh bạc, D là người xóc cái và sử dụng 1.000.000 đồng để dưới chiếu bạc, đánh bạc đến khi bị bắt quả tang chạy thoát, không cầm theo tiền sau đó đến Cơ quan điều tra đầu thú; N có 1.150.000 đồng sử dụng đánh bạc, khi chơi N bỏ ra trước 1.000.000 đồng để xuống chiếu bạc còn lại 150.000 đồng để trong người đến khi bị bắt, Tổ công tác thu giữ; Xim có 1.000.000 đồng sử dụng đánh bạc để dưới chiếu bạc; T có 1.200.000 đồng sử dụng đánh bạc để dưới chiếu bạc; C có 900.000 đồng sử dụng đánh bạc để dưới chiếu bạc khi bị bắt chạy thoát không cầm theo tiền sau đó đến Cơ quan điều tra đầu thú; H có khoảng 400.000 đồng sử dụng đánh bạc để dưới chiếu bạc đến khi bị bắt chạy thoát không mang theo tiền sau đó đến Cơ quan điều tra đầu thú.

Các đối tượng tham gia chơi đánh bạc đến khoảng 16 giờ 40 phút ngày 17/6/2020 thì bị bắt quả tang, khi bị bắt quả tang có anh Nguyễn Phú H1 là người làm chứng như đã nêu trên.

Theo các bị cáo khai: Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 5.650.000 đồng, nH1 khi bị bắt giữ Tổ công tác thu giữ tại chiếu bạc là 5.400.000 đồng và thu giữ trên người của bị cáo N 150.000 đồng. Như vậy tổng số tiền thực tế các bị cáo sử dụng đánh bạc là 5.550.000 đồng (gồm 5.400.000 đồng thu giữ tại chiếu bạc + 150.000 đồng thu của N).

Vật chứng của vụ án gồm: 5.550.000 đồng *(năm triệu năm trăm năm mười nghìn đồng)* tiền NHNNVN; 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bạc bằng nan tre được bôi đen một mặt và 01 bao tải dứa màu vàng được chuyển đến kho vật chứng và tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 94/CT-VKS ngày 23/11/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C, Tống Văn D, Trần Văn T, Trần Thị N, Nguyễn Thị Xim, Nguyễn Văn H phạm tội *"Đánh bạc"*.

Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện Đại Từ giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị HĐXX ***Áp*** dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. *Xử phạt*: bị cáo Tống Văn D từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Văn H từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. ***Áp*** dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. *Xử phạt*: bị cáo Nguyễn Văn C từ 06 đến 09 tháng tù; bị cáo Trần Văn T từ 06 đến 09 tháng tù. ***Áp*** dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 38 BLHS. *Xử phạt*: bị cáo Trần Thị N từ 06 đến 09 tháng tù. ***Áp*** dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. *Xử phạt*: bị cáo Nguyễn Thị S (Nguyễn Thị Xim) từ 09 đến 12 tháng tù. Phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vậtchứng và buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc điều tra, truy tố và xét xử đều đúng người, đúng tội, không oan. Đều nói lời sau cùng: xin giảm nhẹ hình phạt và miễn hình phạt bổ sung + án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

{1}. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

{2.}Về căn cứ buộc tội: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Tống Văn D, Trần Văn T, Trần Thị N, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Xim, Nguyễn Văn H đều khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 17/6/2020 tại khu vực đường ra cánh đồng thuộc xóm Đ, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tống Văn D, Trần Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Xim và Trần Thị N đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền, các bị cáo tham gia chơi đánh bạc đến khoảng 16 giờ 40 phút thì bị Tổ công tác Công an huyện Đại Từ và Công an xã Y, phát hiệt bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc 5.400.000 đồng và thu giữ trên người bị cáo N 150.000 đồng là số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc; 01 bộ bát đĩa bằng sứ, 04 quân bạc và 01 bao tải dứa màu vàng là vật chứng của vụ án.

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Đánh bạc"* theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Nội dung điều luật quy định:

Điều 321 Bộ luật hình sự.*"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền ... có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

{3}. Xét tính chất hành vi và vai trò phạm tội của các bị cáo:

Tính chất hành vi đánh bạc của các bị cáo Tống Văn D, Trần Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị Xim và Trần Thị N thuộc trường hợp ít nguyên trọng. Trong vụ án này các bị cáo đều có vai trò đồng phạm như nhau về hành vi thực hiện *Đánh bạc*. Trong đó các bị cáo D, T, C, H tham gia chơi từ đầu tiếp theo là S, N đến tham gia chơi. Việc các bị cáo tham gia chơi bạc là tự phát, không có tính chất tổ chức hay rủ rê, lôi kéo việc đánh bạc. Hành vi của các bị cáo đã làm mất an ninh trật tự công cộng tại địa phương.

{4}. Xét tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Tống Văn D, Trần Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H và Trần Thị N đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; bị cáo Nguyễn Thị S phải chịu 01 tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Tống Văn D, Nguyễn Văn H được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là: *"Người phạm tội thành khẩn khai báo"* và *"Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"*. Các bị cáo còn lại đều được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là "*thành khẩn khai báo*". Ngoài ra các bị cáo D, C, H sau khi bỏ trốn đều ra đầu thú và bị cáo C có bố mẹ đẻ được tặng thưởng huân chương kháng chiến nên các bị cáo này đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Trần Văn T là người đã cao tuổi

có đơn đề nghị và được Hội người cáo tuổi, C quyền xóm, xã xác nhận nên có thể xem xét cho hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

{5}. Xét nhân thân của các bị cáo thì thấy: các bị cáo đều được sinh ra và lớn lên trong gia đình lao động thuần túy, đều được nuôi ăn học, đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức về các việc làm đúng sai của bản thân.Tuy nhiên, do ham chơi và coi thường pháp luật nên cơ bản các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án xét xử về các tội cố ý, trừ bị cáo D, H là chưa bị xét xử lần nào nH1 đều cố tình tiếp tục vi phạm pháp luật.

{6}. Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy. Mặc dù hành vi đánh bạc của các bị cáo giản đơn, số lượng tiền tham gia chơi bạc không nhiều; tuy nhiên, về cơ bản các bị cáo đều là những người có nhân thân xấu, có bị cáo đã từng nhiều lần bị xét xử, có bị cáo đến ngày phạm tội chưa được xóa án tích. Vì vậy, khi quyết định hình phạt HĐXX sẽ cân nhắc, xem xét một cách khách quan, toàn diện đầy đủ các yếu tố cũng như các quy định của pháp luật để có mức hình phạt cho phù hợp, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy, cần phạt các bị cáo một khoản tiền nhất định theo quy định của pháp luật để sung công quỹ nhà nước.

{7}.Về vật chứng vụ án:

Số tiền 5.550.000 đồng *(năm triệu năm trăm năm mười nghìn đồng)* tiền NHNNVN là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, cần được tịch thu sung quỹ Nhà nước.

01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bạc bằng nan tre được bôi đen một mặt và 01 bao tải dứa màu vàng, đây là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để đánh bạc, đều không còn giá trị sử dụng nên được tịch thu và tiêu hủy.

{8}. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

{9}. Các nội dung có liên quan khác: Khi bắt quả tang còn có anh Nguyễn Phú H1 có mặt tại chiếu bạc. Quá trình điều tra xác định anh H1 đứng xem, không tham gia đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị Tống Văn D, Trần Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị S và Trần Thị N phạm tội "*Đánh bạc*"

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt:

1. Bị cáo **Tống Văn D 09** (*chín*) tháng tù nH1 cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Bị cáo **Nguyễn Văn H 06** (*sáu*) tháng tù nH1 cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 (*mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Tống Văn D và Nguyễn Văn H cho UBND xã Y, huyện Đại Từ nơi các bị cáo có hộ khẩu thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với C quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục.

Trường hợp bị cáo D, H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án. Trường hợp các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Điều 56 BLHS.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự.

1. *Xử phạt*: bị cáo **Nguyễn Văn C 06** (*sáu*) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 18/6/2020 đến ngày 25/6/2020. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành hình phạt.

2. *Xử phạt*: bị cáo **Trần Văn T 06** (*sáu*) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/6/2020 đến ngày 25/6/2020. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành hình phạt.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS.

Xử phạt: bị cáo **Trần Thị N 06** (*sáu*) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17/6/2020 đến ngày 25/6/2020. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành hình phạt.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thị S** (tên gọi khác: ***Nguyễn Thị Xim***) **09** (*chín*) tháng tù, được trừ thời hạn tạm giữ từ 17/6/2020 đến ngày 25/6/2019. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành hình phạt.

*** Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 3 Điều 321BLHS**.** ***Phạt*** các bị cáo Tống Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị S và Trần Thị N, ***mỗi*** bị cáo 15.000.000đ (*mười lăm*) triệu đồng; ***phạt*** bị cáo Trần Văn T 10.000.000đ (mười) triệu đồng sung công quỹ Nhà nước.

*** Về vật chứng:** Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS;

+ Tịch thu sung công quỹ số tiền: Số tiền 5.550.000 đồng *(năm triệu năm trăm năm mười nghìn đồng)* tiền NHNNVN.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân bạc bằng nan tre được bôi đen một mặt và 01 bao tải dứa màu vàng

(*Tình trạng, đặc điểm của vật chứng như trong mô tả tại Quyết định chuyển vật chứng số 79 /QĐ - VKSĐT ngày 23/ 11/2020 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên*).

*** Về án phí**: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Tống Văn D, Trần Văn T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn

H, Nguyễn Thị S và Trần Thị N, ***mỗi*** bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST sung công quỹ.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư Pháp Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an, VKS huyện Đại Từ;
- Thi hành án HS, DS;
- Bị cáo; UBND xã Y;
- Lưu VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên